| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |
| Bản án số: 01/2020/KDTM-ST<br>Ngày 10 - 12 - 2020<br>V/v tranh chấp hợp đồng mua bán | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Phan Văn Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Khu phố x, Phường z, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bà Quách Thị Phương T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 417 đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020)

- *Bị đơn:* Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M; địa chỉ trụ sở: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1980; cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M).

Bà T, ông M1 vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2020 và lời khai có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Quách Thị Phương T trình bày:

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M có thỏa thuận hợp đồng bằng lời nói về việc mua bê tông trộn sẵn của Công ty Cổ phần B.

Trong quá trình thi công các công trình xây dựng Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M đã mua bê tông trộn sẵn của Công ty Cổ phần B. Khi mua hàng, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M đồng ý thanh toán ngay sau khi nhận hàng.

Ngày 31/12/2018, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M và Công ty Cổ phần B tiến hành đối chiếu công nợ, thì Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M còn nợ Công ty Cổ phần B số tiền 155.910.000 (một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn) đồng.

Ngày 15/01/2019, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M mua 17$m^3$ bê tông trộn sẵn của Công ty Cổ phần B với giá 1.400.000 đồng/$m^3$ và tiền công bơm là 2.500.000 đồng, tổng cộng số tiền là 26.300.000 đồng. Đồng thời, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M cũng thanh toán cho Công ty Cổ phần B số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Ngày 05/3/2019, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần B thêm 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Vào ngày 07/3/2019, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M tiếp tục mua 11$m^3$ bê tông trộn sẵn của Công ty Cổ phần B với giá 1.400.000 đồng/$m^3$ và tiền công bơm là 2.500.000 đồng tổng cộng số tiền là 17.900.000 đồng.

Đến ngày 15/3/2019, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M và Công ty Cổ phần B tiến hành đối chiếu công nợ, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần B số tiền là 100.110.000 đồng, nhưng sau nhiều tháng vẫn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần B đã rất nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nhưng Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M né tránh, không trả.

Vì vậy, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M phải trả cho Công ty Cổ phần B số tiền nợ gốc là 100.110.000 đồng và tiền lãi do vi phạm hợp đồng tính từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/9/2020 với lãi suất là 10%/năm là 14.182.250 đồng, tổng cộng là 114.292.250 (một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn M1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đến để giải quyết vụ án nhưng ông M1 đều vắng mặt không rõ lý do cũng như không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, buộc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần B số tiền là 114.292.250 (một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng, trong đó: nợ gốc là 100.110.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/9/2020 là 14.182.250 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần B yêu cầu Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M trả số tiền nợ là 114.292.250 (một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng, trong đó: nợ gốc là 100.110.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/9/2020 là 14.182.250 đồng; bị đơn có trụ sở tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Quách Thị Phương T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn M1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ bảng đối chiếu công nợ ngày 15/3/2019 (bút lục 5) và lời trình bày của bà T thấy rằng:

[3.1] Trong quá trình thi công các công trình xây dựng, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M đã mua bê tông trộn sẵn của Công ty Cổ phần B nhiều lần. Khi mua hàng, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M đồng ý thanh toán ngay sau khi nhận hàng. Hai bên thỏa thuận hợp đồng bằng lời nói. Lần cuối cùng Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M mua hàng là ngày 07/3/2019. Đến ngày 15/3/2019, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M và Công ty Cổ phần B tiến hành đối chiếu công nợ, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần B số công nợ quá hạn tính đến ngày 15/3/2019 là 100.110.000 đồng, hạn thanh toán 100% sau khi nhận hàng. Sau đó, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M không thực hiện thanh toán số tiền nợ theo bảng đối chiếu công nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại.

[3.2] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/9/2020 với mức lãi suất là 10%/năm là 100.110.000 đồng x 10%/12 x 17 tháng = 14.182.250 đồng: Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán ngay sau khi nhận hàng nhưng không thực hiện, sau đó hai bên tiếp tục xác nhận công nợ ngày 15/3/2019 nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ. Theo bảng đối chiếu công nợ, hai bên chỉ chốt số tiền nợ và thỏa thuận về thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng có chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh Tây Ninh gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long là 13,15%/năm. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất 13,15%/năm theo Điều 306 Luật Thương mại nên ghi nhận.

[3.3] Vì vậy, căn cứ các Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M có nghĩa vụ trả Công ty Cổ phần B số tiền là 114.292.250 (một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng, trong đó: nợ gốc là 100.110.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/9/2020 là 14.182.250 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.714.612 (năm triệu bảy trăm mười bốn nghìn sáu trăm mười hai) đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B đối với Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M.

Buộc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần B số tiền là 114.292.250 (một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng, trong đó: nợ gốc là 100.110.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/9/2020 là 14.182.250 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.714.612 (năm triệu bảy trăm mười bốn nghìn sáu trăm mười hai) đồng.

Công ty Cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.857.000 (hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007483 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thị Thanh Hằng**